TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO ĐỀ ÁN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC PHÍ - HK2/2019-2020

CT LK ĐÀO TẠO CN KH NGÀNH CNTT VỚI TRƯỜNG ĐH CLAUDE BERNARD LYON I, CH PHÁP

KHÓA 19

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	HP HK	GIẢM 7%	TỔNG HP SAU GIẢM
1	19126003	Hồ Ngọc Minh Châu	12,000,000	840,000	11,160,000
2	19126006	Vũ Đức Hưng	12,000,000	840,000	11,160,000
3	19126007	Phạm Vĩnh Khang	12,000,000	840,000	11,160,000
4	19126008	Ngô Minh Phát	12,000,000	840,000	11,160,000
5	19126021	Lê Ngọc Khoa	12,000,000	840,000	11,160,000
6	19126022	Lê Thiên Kim	12,000,000	840,000	11,160,000
7	19126027	Cao Hoàng Nhân	12,000,000	840,000	11,160,000
8	19126028	Trần Nguyễn Huế Như	12,000,000	840,000	11,160,000
9	19126030	Ngô Đỗ Nhật Quang	12,000,000	840,000	11,160,000
10	19126031	Ngô Thiên Quang	12,000,000	840,000	11,160,000
11	19126035	Lê Hoàng Dạ Thi	12,000,000	840,000	11,160,000
12	19126036	Đinh Vũ Bội Trân	12,000,000	840,000	11,160,000
13	19126039	Vũ Hoàng Anh	12,000,000	840,000	11,160,000
14	19126040	Hồ Chí Bảo	12,000,000	840,000	11,160,000
15	19126042	Phan Thành Đạt	12,000,000	840,000	11,160,000
16	19126044	Lê Trung Hiếu	12,000,000	840,000	11,160,000
17	19126045	Thịnh Văn Hoan	12,000,000	840,000	11,160,000
18	19126047	Nguyễn Hoàng Hùng	12,000,000	840,000	11,160,000
19	19126048	Nguyễn Hữu Duy Khang	12,000,000	840,000	11,160,000
20	19126049	Nguyễn Hoàng Anh Khôi	12,000,000	840,000	11,160,000
21	19126050	Hoàng Lân	12,000,000	840,000	11,160,000
22	19126052	Lê Hồng Long	12,000,000	840,000	11,160,000
23	19126053	Dương Quang Minh	12,000,000	840,000	11,160,000
24	19126054	Nguyễn Gia Minh	12,000,000	840,000	11,160,000
25	19126055	Trần Hoàng Thảo Ngân	12,000,000	840,000	11,160,000
26	19126056	Nguyễn Ngọc Nhung	12,000,000	840,000	11,160,000
27	19126057	Lê Quan Phát	12,000,000	840,000	11,160,000
28	19126059	Bùi Bảo Sơn	12,000,000	840,000	11,160,000
29	19126062	Huỳnh Quang Thắng	12,000,000	840,000	11,160,000
30	19126064	Nguyễn Công Thiện	12,000,000	840,000	11,160,000
31	19126066	Phạm Dung Thông	12,000,000	840,000	11,160,000
32	19126067	Lương Trần Quang Trí	12,000,000	840,000	11,160,000
33	19126068	Võ Minh Tuấn	12,000,000	840,000	11,160,000
34	19126069	Lê Huy Vĩ	12,000,000	840,000	11,160,000
35	19126070	Phan Minh Viên	12,000,000	840,000	11,160,000
36	19126072	Phan Tường Vy	12,000,000	840,000	11,160,000

Ngày tháng năm 2020
Người lập bảng

Bùi Thị Kim Ngân